

UBND TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
HỢP ĐỒNG THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP

Số: **329** /TB-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hòa Bình, ngày **11** tháng 3 năm 2016

THÔNG BÁO
Của Hội đồng xét tuyển dụng hợp đồng theo
Nghị định 68/2000/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Công văn số 2635/SNV-CCVC ngày 25/11/2015 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

Thực hiện Quyết định số 2330/QĐ-SGD&ĐT ngày 01/12/2015 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ,

Hội đồng xét tuyển dụng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thông báo kết quả kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn ngày 17/01/2016 đến toàn thể các thí sinh tham gia kiểm tra, sát hạch được biết (*kết quả chi tiết có danh sách kèm theo*)./. **HV**

Nơi nhận:

- Website Sở GD&ĐT;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCB (03).

**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG HỢP ĐỒNG
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP**

CHỦ TỊCH



Bùi Trọng Đắc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG HDB THEO NĐ 68/2000/NĐ-CP

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG HDB THEO NĐ 68/2000/NĐ-CP

Phòng thi số: 01

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	D.Tộc	Ưu tiên	T.Độ	Chuyên ngành	Vị trí tuyển	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0001	Đinh Thị Thu Hương	06/04/1979	Nữ	Kinh		ĐH	Công tác xã hội	NVPV-CĐSP	50.00	50.00	
2	0002	Văn Trọng Dũng	29/08/1990	Nam	Kinh				NVBV-CĐSP	50.00	50.00	
3	0003	Trần Tuấn Anh	14/09/1990	Nam	Kinh		TCN	Điện công nghiệp	NVDN-CĐSP	65.00	65.00	
4	0004	Trương Đức An	11/05/1986	Nam	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS	16.00	16.00	
5	0005	Trần Thị Kim Chung	21/04/1982	Nữ	Kinh				NVPV-DTNT THCS	75.00	75.00	
6	0006	Đinh Văn Cường	16/12/1981	Nam	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS	30.00	30.00	
7	0007	Hà Thị Dung	11/08/1993	Nữ	Thái	DT			NVPV-DTNT THCS			Bỏ thi
8	0008	Hà Thị Thùy Dương	12/06/1992	Nữ	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS	20.00	20.00	
9	0009	Nguyễn Anh Đức	08/11/1988	Nam	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS	52.00	52.00	
10	0010	Nguyễn Đức Huy	08/05/1985	Nam	Kinh				NVPV-DTNT THCS	50.00	50.00	
11	0011	Lương Thị Hương	04/12/1985	Nữ	Tày	DT			NVPV-DTNT THCS	80.00	80.00	
12	0012	Nguyễn Thành Luân	06/08/1986	Nam	Kinh				NVPV-DTNT THCS	45.00	45.00	
13	0013	Bùi Văn Tâm	02/10/1985	Nam	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS	50.00	50.00	
14	0014	Phàng A Tênh	01/10/1985	Nam	H'Mông	DT			NVPV-DTNT THCS	5.00	5.00	
15	0015	Quách Thị Thảo	16/11/1992	Nữ	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS			Bỏ thi
16	0016	Bùi Văn Thắng	11/01/1981	Nam	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS	34.00	34.00	
17	0017	Bùi Thị Thêu	17/01/1990	Nữ	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS	27.00	27.00	
18	0018	Bùi Thị Yến	11/02/1992	Nữ	Mường	DT			NVPV-DTNT THCS	32.00	32.00	
19	0019	Vũ Phú Hưng	25/03/1987	Nam	Kinh		SCN	Lái xe	NVLX-DTNT THPT	70.00	70.00	
20	0020	Hà Thị Kim Liên	01/08/1982	Nữ	Mường	DT	SCN	Nấu ăn	NVNA-DTNT THPT	33.00	33.00	

4/

Nguyễn

Nguyễn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG HD THEO NĐ 68/2000/NĐ-CP

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG HD THEO NĐ 68/2000/NĐ-CP

Phòng thi số: 01

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	D.Tộc	Ưu tiên	T.Độ	Chuyên ngành	Vị trí tuyển	ĐPV	Tổng	Ghi chú
21	0021	Nguyễn Thị Kim Quy	06/04/1987	Nữ	Mường	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THPT	52.00	52.00	
22	0022	Đình Văn Thái	13/04/1983	Nam	Mường	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THPT	50.00	50.00	
23	0023	Lương Bích Thi	03/10/1983	Nữ	Tày	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THPT	12.00	12.00	
24	0024	Nguyễn Thị Thu Thủy	11/01/1982	Nữ	Kinh		SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THPT	55.00	55.00	
25	0025	Đình Thị Dung	17/09/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	NVPV-KTKT	25.00	25.00	

Ghi chú: Các cột TT (Số thứ tự), SBD (Số báo danh), GT (Giới tính), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển).



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG HĐ THEO NĐ 68/2000/NĐ-CP

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG HĐ THEO NĐ 68/2000/NĐ-CP

Phòng thi số: 02

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	D.Tộc	Ưu tiên	T.Độ	Chuyên ngành	Vị trí tuyển	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0026	Bùi Thị Lan Anh	30/06/1995	Nữ	Mường	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	50.00	50.00	
2	0027	Bùi Thị Bình	04/10/1982	Nữ	Mường	DT	SCN	Nấu ăn	NVNA-DTNT THCS	7.00	7.00	
3	0028	Hà Văn Cường	27/12/1994	Nam	Thái	DT	CĐ	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	4.00	4.00	
4	0029	Vì Thị Duyên	05/07/1981	Nữ	Thái	DT	SCN	KT nấu ăn	NVNA-DTNT THCS	50.00	50.00	
5	0030	Quách Thị Hạnh	27/02/1989	Nữ	Mường	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	50.00	50.00	
6	0031	Xa Thị Hạnh	09/09/1983	Nữ	Tày	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	12.00	12.00	
7	0032	Hà Thị Hòa	23/09/1982	Nữ	Thái	DT	SCN	Nấu ăn	NVNA-DTNT THCS	57.00	57.00	
8	0033	Nguyễn Thị Hường	14/06/1990	Nữ	Kinh		SCN	Nấu ăn	NVNA-DTNT THCS			Bỏ thi
9	0034	Bùi Thị Lan	18/10/1985	Nữ	Mường	DT	SCN	KT nấu năn	NVNA-DTNT THCS	32.00	32.00	
10	0035	Xa Thị Lan	15/02/1988	Nữ	Tày	DT	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	8.00	8.00	
11	0036	Bùi Thị Loan	18/09/1980	Nữ	Mường	Dt	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	50.00	50.00	
12	0037	Hà Thị Lương	06/02/1984	Nữ	Tày	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	8.00	8.00	
13	0038	Hà Thị Minh	29/06/1983	Nữ	Thái	DT	SCN	Nấu ăn	NVNA-DTNT THCS	55.00	55.00	
14	0039	Hà Văn Mường	24/11/1977	Nam	Tày	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	50.00	50.00	
15	0040	Bùi Thị Ngọc	17/04/1993	Nữ	Mường	DT	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	50.00	50.00	
16	0041	Vì Thị Nguyệt	12/02/1984	Nữ	Tày	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	10.00	10.00	
17	0042	Xa Thị Nhớ	28/11/1997	Nữ	Tày	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	12.00	12.00	
18	0043	Xa Thị Nhung	16/04/1989	Nữ	Tày	DT	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	60.00	60.00	
19	0044	Nguyễn Thị Lan Phụng	07/11/1994	Nữ	Kinh		SCN	KTCB món ăn á	NVNA-DTNT THCS	40.00	40.00	
20	0045	Bùi Thị Sen	25/09/1985	Nữ	Mường	DT	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS			Bỏ thi

Je

Luuy

Bung2

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG HDB THEO NĐ 68/2000/NĐ-CP

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG HDB THEO NĐ 68/2000/NĐ-CP

Phòng thi số: 02

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	D.Tộc	Ưu tiên	T.Độ	Chuyên ngành	Vị trí tuyển	ĐPV	Tổng	Ghi chú
21	0046	Hà Thúy Sừu	09/06/1985	Nữ	Thái	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	19.00	19.00	
22	0047	Trần Thị Thanh	06/03/1988	Nữ	Kinh		THCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	58.00	58.00	
23	0048	Bùi Thị Thoa	14/02/1991	Nữ	Mường	DT	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	8.00	8.00	
24	0049	Lưu Thị Thu	08/02/1982	Nữ	Kinh		SCN	Nấu ăn	NVNA-DTNT THCS	48.00	48.00	
25	0050	Phùng Thị Thu	14/10/1986	Nữ	Kinh		THCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	18.00	18.00	
26	0051	Lê Thị Thủy	10/07/1995	Nữ	Dao	DT	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	15.00	15.00	
27	0052	Xa Thị Tin	24/09/1986	Nữ	Tày	DT	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	35.00	35.00	
28	0053	Xa Thị Tuyên	11/09/1996	Nữ	Tày	DT	SCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	50.00	50.00	
29	0054	Xa Thị Văn	09/02/1985	Nữ	Tày	DT	TCN	KTCB món ăn	NVNA-DTNT THCS	10.00	10.00	
30	0055	Phạm Thị Xuyên	17/09/1984	Nữ	Kinh		SCN	Nấu ăn	NVNA-DTNT THCS	20.00	20.00	

Ghi chú: Các cột TT (Số thứ tự), SBD (Số báo danh), GT (Giới tính), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển).

